

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.41, đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa
của UBND thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3080/STNMT-CCBVMT ngày 01/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.41, đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.41, đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1455/UBND ngày 11/11/2022 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 17/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.41, đoạn Cảnh Hàng - Phú Đa (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhơn Phong và xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TUYẾN ĐH.41, ĐOẠN CẢNH HÀNG - PHÚ ĐÀ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.41, đoạn Cảnh Hàng – Phú Đa.
- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Phong và xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.
- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: Số 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi:
 - + Điểm đầu: Giáp đoạn chính tuyến ĐT.631 qua chợ Cảnh Hàng tại Km6+700, thuộc xã Nhơn Phong.
 - + Điểm cuối: Giáp cầu Phú Đa, thuộc xã Nhơn An.
- Quy mô: tổng chiều dài tuyến là 2.960m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Phần đường: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.41 từ xã Nhơn Phong đến xã Nhơn An; tổng chiều dài tuyến đường là 2.900 m.
- Phần cầu:
 - + Xây dựng mới cầu dầm có chiều dài 12m, lý trình Km0+153,74;
 - + Xây dựng mới cầu dầm có chiều dài 22 m, lý trình Km1+498;
 - + Thiết kế nối mở rộng 02 cầu bản 6 m BTCT, lý trình Km0+777,59 và Km1+779,87.
- Nút giao thông.
- Hệ thống điện.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, các công trình phòng hộ và an toàn giao thông, lán trại, trạm trộn.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 01 nhà vệ sinh di động; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1,18 ha và chiếm dụng tạm thời khoảng 0,3 ha đất trồng lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ngập úng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng: phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ,...

- Nước thải của trạm trộn bê tông phát sinh với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất.

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu và quá trình đổ nhựa đường.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Hoạt động của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khối lượng khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Hoạt động bóc phong hóa phát sinh với khối lượng khoảng 7.089 m³.

- Hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu với khối lượng xà bần phát sinh khoảng 1.216,4 m³.

- Hoạt động thi công xây dựng cầu dầm phát sinh bentonite thải khoảng 191,54 m³.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng....) với khối lượng khoảng 70 kg trong thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng và chuyển đổi đất trồng lúa; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,....

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà 01 vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng cấu tạo 2 ngăn (dung tích 10 m³). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng để dập bụi và làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải thi công.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe trên công trường: được thu gom về hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 03 m³/hố để lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe. Nước thải sau khi tách dầu được lọc tái sử dụng vào mục đích làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất. bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín và không để rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 02 thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy kín

tại mỗi công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa: tận dụng cho các hộ dân xung quanh khu vực trồng cây.

- Xà bần và bentonite thải: được vận chuyển đến bãi thải thuộc số thửa 615 tờ bản đồ số 15, thôn Tân Dân, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn; cách điểm cuối công trình 600 m. Diện tích đồ thải khoảng 1.230 m², chiều cao đồ thải khoảng 1,35 m.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tại mỗi công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5m² tại mỗi công trường theo đúng quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn tại khu vực thi công.

- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án

5.1.1. Giám sát môi trường không khí.

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.
- + Điểm đầu dự án đoạn qua khu dân cư, tọa độ (596193; 1540906).
- + Điểm giữa dự án đoạn qua khu dân cư, tọa độ (596112; 1539734).
- + Điểm cuối dự án đoạn qua chợ Phú Đa, tọa độ (595877; 1538499)..
- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án

5.2.1. Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: tại các vị trí cầu trên tuyến đường:
- + Cầu dầm L = 12 m, lý trình Km0+153,74.
- + Cầu dầm L = 22 m, lý trình Km1+498.
- + Cầu bản hộp 6 m, lý trình Km0+777,59.
- + Cầu bản hộp 6 m, lý trình Km1+779,87.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm (trước ngày 31 tháng 8 và sau mùa mưa hằng năm).